

Ý TƯỞNG CỦA TỔNG THỐNG FRANKLIN D. ROOSEVELT VỀ CHẾ ĐỘ ỦY THÁC QUỐC TẾ CHO ĐÔNG DƯƠNG (1943 - 1945)

• Lê Phụng Hoàng^(*)

Tóm tắt

Được tổng thống Hoa Kỳ Franklin Roosevelt đề xuất trong tháng 7/1943, ý tưởng về một chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương đã dự kiến cho nhân dân Đông Dương một số phận chính trị rất khác so với chế độ thực dân Pháp đã kéo dài 80 năm. Tuy nhiên, do không ít trở ngại, ý tưởng của Roosevelt đã không bao giờ được chuyển thành chính sách và cuối cùng đã bị từ bỏ trong tháng 4/1945.

Từ khóa: Franklin D. Roosevelt, chế độ ủy thác quốc tế, Đông Dương.

1. Cơ sở của ý tưởng: Hiến chương Đại Tây Dương

Trong số các cường quốc Âu - Mỹ có thuộc địa ở Đông Nam Á, Hoa Kỳ theo đuổi chính sách tiến bộ hơn cả. Chính sách tiến bộ đối với Philippines⁽¹⁾ được Roosevelt mở rộng ra trên phạm vi toàn cầu vào ngày 14/8/1941: Điều 3 của bản Hiến chương Đại Tây Dương, kết quả của cuộc hội đàm giữa ông và Thủ tướng Anh Churchill, nêu rõ: “Chúng tôi [Tổng thống Hoa Kỳ Roosevelt và Thủ tướng Anh Churchill] tôn trọng quyền của mọi dân quốc được lựa chọn hình thái chính phủ của mình; và chúng tôi mong muốn thấy các dân quốc từng bị tước mất chủ quyền và quyền tự trị sẽ được phục hồi các quyền này”.

Do tên gọi của nó, đã sớm xuất hiện cách diễn giải rằng phạm vi tác động của Hiến chương Đại Tây Dương được giới hạn quanh vùng Đại Tây Dương, hay nói cách khác, Hiến chương Đại Tây Dương chỉ liên quan đến số phận các nước châu Âu bị Đức Quốc xã và Italia phát xít xâm chiếm. Người đưa ra cách diễn giải vừa nêu không ai khác hơn là Churchill - một trong hai đồng tác giả bản Hiến chương. Ngày 9/9/1941, ông này giải thích trước Viện Thứ dân tinh thần của Điều 3 như sau: “Tại Hội nghị Đại Tây Dương, chúng tôi chủ yếu nhắm đến việc phục hồi chủ quyền, quyền tự trị, và đời sống dân quốc cho những quốc gia và dân quốc ở châu Âu hiện đang sống dưới ách quốc xã, và những nguyên tắc chi phối bất kỳ sự thay đổi nào có thể liên quan đến biên giới lãnh thổ của họ. Do vậy, đây là một vấn đề hoàn toàn tách rời khỏi bước tiến triển dần dà của các định chế tự trị ở những vùng và những dân quốc đã tuyên thệ trung thành với Hoàng gia Anh” [3, tr. 23].

Cách diễn giải của Churchill hoàn toàn tương phản với cách hiểu của Tổng thống Hoa Kỳ. Trong bài diễn văn đọc trong tháng 3/1942, Roosevelt nêu rõ: “Hợp chủng quốc chúng ta đã tán thành một số nguyên tắc rộng rãi về loại hòa bình mà chúng ta đang tìm kiếm. Hiến chương Đại Tây Dương áp dụng đối với không chỉ những phần lãnh thổ trên thế giới nằm quanh Đại Tây Dương, mà cả toàn thế giới, giải giáp những kẻ xâm lược, quyền tự quyết của các quốc gia và dân quốc... , quyền tự do phát biểu, tự do tôn giáo, tự do thoát khỏi nghèo đói, và tự do thoát khỏi nỗi sợ hãi”.

Tuy đưa ra cách diễn giải mạnh mẽ hơn Thủ tướng Anh, Tổng thống Hoa Kỳ lại hành xử trong thực tế dường như không khác ông này. Trong thư đề ngày 27/12/1941 gửi Thống chế Pétain, người đứng đầu Chính phủ Vichy⁽²⁾, Roosevelt viết rằng “chừng nào quyền kiểm soát chủ quyền của Pháp vẫn còn là hoàn toàn của Pháp trong thực tế, Chính phủ Hoa Kỳ không mong muốn nhìn thấy chủ quyền đối với Bắc Phi thuộc Pháp hay những thuộc địa khác của Pháp rơi vào quyền kiểm soát của các nước khác” [9, tr. 205].

Để cho công bằng, động thái trên của Roosevelt thực ra chịu sự tác động của tình thế nhằm làm yên lòng người Pháp hầu tránh cho Chiến dịch Torch⁽³⁾ khỏi những rắc rối, hơn là phản ánh suy tính chiến lược lâu dài của chủ nhân Nhà Trắng, vì ngay sau khi Chiến dịch Torch ở Bắc Phi diễn ra thắng lợi, lập trường của Hoa Kỳ về các lãnh địa hải ngoại của Pháp, trong đó có Đông Dương, thay đổi hẳn. Tại cuộc tiếp xúc với Hội đồng các Tham mưu trưởng liên quân diễn ra ngày 7/1/1943, Roosevelt bày tỏ “những hoài nghi nghiêm túc” về việc phục hồi vị thế của Pháp ở Đông Dương và “thúc giục Anh đừng đưa ra những lời hứa nào khác về việc khôi phục Đế quốc Pháp” [1, tr. 80], [7, tr. 7]. Tổng thống

^(*) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

cho rằng “một số thuộc địa sẽ không được hoàn trả cho Pháp” và bày tỏ nỗi nghi ngại rằng “không biết Đông Dương có nên được hoàn trả cho Pháp không” [1, tr. 80]. Khi thứ trưởng Sumner Welles nhắc lại rằng Hoa Kỳ từng cam kết phục hồi các lãnh địa cho Pháp, Roosevelt đáp lại rằng cam kết vừa nêu chỉ áp dụng cho các lãnh địa ở Bắc Phi [5, tr. 53].

Trong buổi tiếp Bộ trưởng Ngoại giao Anh Anthony Eden diễn ra ngày 27/3/1943, Roosevelt đã nêu ra ý tưởng về tổ chức Liên Hiệp Quốc, viễn cảnh về sự trỗi dậy của một nước Trung Hoa hùng mạnh, việc chuyển giao Mãn Châu và Đài Loan cho Trung Hoa, và việc thiết lập chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương và Triều Tiên với sự tham gia của Hoa Kỳ, Trung Quốc và một hay hai quốc gia khác [2, tr. 355], [3, tr. 30].

2. Ý tưởng ra đời

Tiếp đó, tại cuộc họp diễn ra ngày 21/7/1943 của Hội đồng Chiến tranh Thái Bình Dương (Pacific War Council - nhóm công tác liên đồng minh duyệt xét các chiến dịch quân sự tại chiến trường Thái Bình Dương) ở Nhà Trắng, tổng thống Roosevelt đã phát biểu ý tưởng mới nảy sinh của ông về Đông Dương bằng những lời lẽ rõ ràng hơn: “Đông Dương không nên được trả về cho Đế quốc Pháp sau chiến tranh. Người Pháp đã có mặt ở đó gần trăm năm và gần như chẳng làm gì để cải thiện số phận người dân... Cứ một pound thu được từ xứ đó, họ chỉ bỏ vào mỗi một shilling... Chúng ta nên giúp đỡ 35 triệu người ở Đông Dương. Tất nhiên không nên cho họ độc lập ngay lập tức, mà nên quan tâm đến họ cho đến khi họ đủ sức tự cai trị... Năm 1900, người Philippines chưa sẵn sàng độc lập, cũng không thể nói rõ lúc nào thì họ có thể. Trước hết cần thực hiện một số công việc công ích. Người dân phải học cách quản lý việc công ở cấp địa phương và cuối cùng là ở cấp quốc gia. Đến năm 1933, chúng ta đã có thể làm việc chung với người Philippines. Và tất cả đều thỏa thuận thời điểm họ có thể sẵn sàng cho độc lập, đó là năm 1945. Tiến trình này đã được thực hiện ở Philippines, thì không có lí do gì để nó không thể diễn ra trong trường hợp Đông Dương. Trong lúc giao thời, chúng ta sẽ quản lý Đông Dương trong tư cách nước nhận ủy thác” [1, tr. 76], [18, tr. 143, ct. 4].

Đến cuối tháng 11/1943, Tổng thống Roosevelt

đã trực tiếp trình bày ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương ở diễn đàn cao nhất trong sinh hoạt quốc tế: Hội nghị thượng đỉnh Teheran. Sau khi tổng kết trước mặt nhà lãnh đạo Xô Viết I. Stalin thành tích cực kì tệ hại của chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương là “sau một trăm năm bị Pháp cai trị, tình cảnh của người dân Đông Dương tệ hơn trước đó”, Roosevelt đã triển khai ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương bằng đề nghị phái đến Đông Dương ba, bốn người bảo trợ với nhiệm vụ chuẩn bị cho người bản xứ tự cai trị sau 30 - 40 năm nữa [14, tr. 485].

Tóm lại, có thể dẫn lời của Bộ trưởng Ngoại giao Cordell Hull để tóm tắt quan điểm của Roosevelt về số phận của Đông Dương thời hậu chiến thật ngắn gọn như sau: “Thỉnh thoảng, Tổng thống nói thẳng với tôi và những người khác quan điểm của ông rằng Đông Dương thuộc Pháp nên đặt dưới chế độ ủy thác quốc tế ngay sau khi chiến tranh kết thúc, với dự kiến rằng xứ này sẽ được độc lập hoàn toàn càng sớm càng tốt” [6, tr. 18].

3. Những thực thể thực hiện ý tưởng: Hoa Kỳ và Trung Hoa Dân Quốc

Sau khâu hoàn chỉnh ý tưởng là khâu xác định người thực hiện. Ngày 16/12/1943, giữa lúc Chiến dịch Overlord⁽⁴⁾ đổ bộ lên nước Pháp đang được ráo riết xúc tiến, Roosevelt đã cho triệu các đại sứ Trung Quốc và Thổ Nhĩ Kỳ, công sứ Ai Cập và các bí thư thứ nhất Liên Xô và Ba Tư đến Nhà Trắng để thông báo rằng ông đang tìm cách ngăn Pháp quay lại Đông Dương, rằng ông muốn một chế độ ủy thác của Liên Hiệp Quốc được các “cảnh sát quốc tế” điều hành cho đến khi người dân ở Đông Dương đủ khả năng tự cai trị [3, tr. 31].

Dù không được nêu đích danh, các “cảnh sát quốc tế”, một thuật ngữ được Roosevelt dùng để chỉ các nước sẽ là ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an của Tổ chức Liên Hiệp Quốc đang được chuẩn bị thành lập, hẳn sẽ là Hoa Kỳ, Anh, Trung Quốc và Liên Xô.

Vừa không có một quyền lợi đáng kể nào ở Đông Nam Á, vừa chẳng có đóng góp lớn lao nào vào sự nghiệp đánh bại Nhật Bản ở khu vực này, Liên Xô tất nhiên sẽ không nằm trong danh sách những nước ủy thác được Roosevelt dự kiến.

Còn Anh, Roosevelt đã biết thừa qua phản ứng của Churchill. Do vậy, chỉ còn lại chính Hoa Kỳ

và Trung Hoa Dân Quốc. Dù bị Stalin giữ khoảng cách, bị Churchill đánh giá không cao, Trung Quốc của chế độ Quốc Dân Đảng lại được Roosevelt đặc biệt ưu ái. Sự việc ông đưa Trung Quốc vào danh sách dự kiến các thành viên thường trực Hội đồng Bảo an, đồng thời không tính đến Pháp, là “một bất ngờ” đối với Churchill và cả Stalin nữa. Thêm nữa, ở Hội nghị Cairo (11/1943) diễn ra ngay trước thềm Hội nghị Teheran, Roosevelt và Tưởng Giới Thạch đã đạt thỏa thuận về việc Hoa Kỳ và Trung Quốc sẽ giúp Đông Dương thu hồi độc lập sau chiến tranh [11, tr. 325].

Đã có ý tưởng rồi, và nhất là đã công bố nó ở diễn đàn quốc tế cấp cao nhất, đến tận tai những người đứng đầu các Đại cường Đồng minh, đã dự kiến người thực hiện, giờ thì bước đi logic tiếp theo sẽ là biến ý tưởng thành chính sách, rồi tổ chức thực hiện. Vậy mà cho đến khi qua đời (12/4/1945) giữa lúc vừa bắt đầu nhiệm kỳ thứ tư, Roosevelt vẫn không sao thực hiện được bước đi có ý nghĩa quyết định vừa nêu. Lí do: tác giả của ý tưởng phải đối mặt với quá nhiều trở ngại khó vượt qua.

4. Các trở ngại ngăn trở việc thực hiện ý tưởng

4.1. Sự chống đối của Chính phủ Anh và phản ứng tiêu cực của Ủy ban giải phóng Pháp quốc

Trở ngại đầu tiên phát xuất từ sự phản đối quyết liệt của một trong ba “Ông lớn” (“The Big Three”), Thủ tướng Anh Winston Churchill. Ông này đã không ngần ngại leo thang sự chống đối: đưa ra trước Nghị viện Anh cách diễn giải riêng liên quan đến Điều 3 Hiến chương Đại Tây Dương; phản đối mạnh mẽ ở Hội nghị Teheran việc áp dụng Điều 3 cho thuộc địa của Pháp; kiên quyết bảo vệ ở Hội nghị thượng đỉnh Yalta tính nguyên vẹn của Đế quốc Anh, nghĩa là gián tiếp ủng hộ tính toàn vẹn của Đế quốc Pháp.

Dù là chủ nhân của chính sách “Lend-Lease”⁽⁵⁾, nguồn tiếp liệu cho nỗ lực theo đuổi cuộc chiến đến thắng lợi cuối cùng của Anh, và được Stalin ủng hộ, Roosevelt vẫn không thể bỏ qua sự phản đối của Churchill chỉ bằng một câu phán quyết rất đơn giản rằng người Anh đã bị thiếu số. Vấn đề còn nằm ở một quy định đương nhiên trong sinh hoạt quốc tế, đặc biệt là thời hậu chiến: kẻ thắng trận không thể được đối xử ngang hàng với kẻ bại

trận. Làm sao Thủ tướng Anh có thể thuyết phục người dân rằng Đế quốc Anh cũng sẽ có số phận không khác số phận của các đế quốc phe Trục?

Cứ cho rằng Roosevelt không thể và càng không nên ép Churchill áp dụng Điều 3 Hiến chương Đại Tây Dương cho Đế quốc Anh, vậy với Đế quốc Pháp thì sao? Chẳng phải Pháp đã rời bỏ cuộc chiến ngay từ đầu trong tư thế kẻ bại trận, do vậy thực khó đối xử với Pháp theo cách khác. Và như Stalin đã nói rất thẳng thắn ở Hội nghị Teheran rằng các nước đồng minh đổ máu không phải để phục hồi Đế quốc Pháp. Vậy, đã hội đủ điều kiện để áp dụng Điều 3 cho Đông Dương chưa?

Vẫn chưa đủ. Dù quan hệ giữa Chính phủ Anh và Ủy ban giải phóng Pháp quốc (Comité français de Libération nationale - CFLN) có trải qua không ít sóng gió, Churchill chưa bao giờ phó mặc số phận của Đế quốc Pháp cho Điều 3 Hiến chương Đại Tây Dương. Làm khác đi, Churchill sẽ tự gây khó cho nỗ lực xây đắp mối quan hệ Anh - Pháp trong tương lai ở châu Âu. Đó là chưa kể tác động dây chuyền rất tiêu cực phát sinh từ việc áp dụng Điều 3 Hiến chương Đại Tây Dương đến các thuộc địa Anh ở Đông Nam Á và Nam Á.

Vậy là trong vấn đề Đông Dương, Roosevelt phải đối mặt với Churchill. Tranh luận trực tiếp với ông này thì thực tế đã cho thấy, chẳng tạo ra chút hiệu ứng nào. Còn gây sức ép thì rõ ràng là biện pháp hạ sách. Đã tránh né bàn thảo trực tiếp về số phận của Đông Dương với Churchill, Roosevelt càng không có lí do để làm khác đi với De Gaulle, nhất là trong hoàn cảnh Roosevelt không chịu công nhận CFLN. Không tiện bàn thảo trực tiếp, cũng không tiện gây sức ép, Roosevelt chỉ còn cách cố gắng Anh và CFLN tiếp cận Đông Dương.

Sau khi quyết định thành lập Bộ chỉ huy Đông Nam Á (Southeast Asia Command - SEAC) dưới quyền chỉ huy của Phó Đô đốc người Anh Louis Mountbatten được thông qua ở Hội nghị Quebec (8/1943) theo yêu cầu của Anh, Roosevelt không cho mở rộng phạm vi phụ trách của SEAC bao gồm luôn Đông Dương, mà vẫn để bán đảo này thuộc Chiến trường Trung Hoa (China Theater) với Tưởng Giới Thạch là tổng tư lệnh tối cao, còn tổng tham mưu trưởng là một vị tướng của Hoa Kỳ: Trung tướng George Stilwell. Không dừng lại ở quyết định vừa nêu, Roosevelt cũng không cho

phép Bộ Ngoại giao phái một đại diện đến SEAC, theo lời mời được Anh đưa ra vào tháng 3/1944. Cũng trong tháng 3/1944, Roosevelt phủ quyết đề xuất được Bộ Ngoại giao đưa ra liên quan đến sự tham gia của CFLN vào hoạt động quân sự ở Chiến trường Thái Bình Dương [12, tr. 1205-1206].

Sau khi Paris được giải phóng (8/1944), Chính phủ lâm thời Pháp được thành lập và được các đại cường đồng minh công nhận, Anh lại liên tục nêu ra vấn đề tham chiến của Pháp ở Mặt trận Thái Bình Dương với Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân hỗn hợp Anh - Mỹ, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và cả Cơ quan Tình báo chiến lược Hoa Kỳ (OSS). Nhưng lần nào Roosevelt cũng đều tìm cách thoái thác.

Chủ trương ngăn trở nêu trên được Roosevelt mở rộng đến cả hoạt động của những người Pháp Gô-lít⁽⁶⁾ ở Đông Dương: ngày 16/10/1944, ông ra chỉ thị cho Bộ Ngoại giao “Theo phán quyết của tôi cho đến hôm nay thì chúng ta không nên làm gì cả đối với các nhóm kháng chiến hay làm bất kì chuyện gì khác đối với Đông Dương. Các vị sẽ nêu vấn đề với tôi ít lâu sau khi sự việc trở nên rõ ràng hơn một chút...” [13, tr. 777].

Cuối cùng, khi thứ trưởng Ngoại giao Edward Stettinius Jr.⁽⁷⁾ gửi giắc thư đề ngày 1/11/1944 nhan đề: “Các diễn biến gần đây liên quan đến Đông Dương” phác họa các hoạt động của Anh và Pháp nhằm phục hồi chủ quyền Pháp ở Đông Dương, Roosevelt đã phản ứng bằng lá thư đề ngày 3/11/1944 có nội dung sau:

“Tôi muốn ngài làm rõ:

- Chúng ta không được tán thành bất kì phái bộ quân sự nào của Pháp, như chúng ta đã từng làm trong câu thứ nhất của đoạn đầu tiên [trong giắc thư của Stettinius];

- Còn về đoạn thứ ba, phải làm cho người của chúng ta ở Viễn Đông hiểu thật rõ rằng họ không được đưa ra bất kì quyết định nào về các vấn đề chính trị với phái bộ Pháp hay với bất kì ai;

- Chúng ta không đưa ra quyết định chung cuộc nào về tương lai của Đông Dương. Điều này phải được làm thật rõ” [13, tr. 780].

Ngày 5/11, Stettinius nhận được một bức thư khác từ Roosevelt chứa chỉ thị rõ ràng hơn nữa: “Nên lưu ý những người bạn Anh của chúng ta rằng ngài Churchill và tôi không công nhận chính thức Phái bộ quân sự Pháp ở SEAC và hơn nữa,

tôi không đưa ra một thỏa thuận nào, dù dứt khoát hay không, với người Anh, Pháp hay Hà Lan về việc duy trì các lãnh địa của họ ở Viễn Đông” [13, tr. 780].

4.2. Vị thế yếu kém của Trung Hoa Dân Quốc

Điều oái oăm là Cuộc chiến Thái Bình Dương càng đến gần ngày kết thúc, thì những trở ngại trên bước đường chuyên ý tưởng của Roosevelt về Đông Dương thành chính sách xuất hiện ngày càng nhiều. Một trong số này là tầm quan trọng của Trung Quốc trong kế hoạch của Hoa Kỳ cả thời chiến lẫn thời hậu chiến. Chiến dịch Ichigo⁽⁸⁾ được quân đội Nhật Bản phát động trong quãng thời gian những tháng cuối năm 1944, nghĩa là vào thời điểm quân Nhật đang bị quân Mỹ truy đuổi đến sát các đảo chính quốc, cho thấy kì vọng mà giới quân sự Mỹ đặt vào Trung Quốc đã không được đáp ứng: các đơn vị quân Trung Quốc đóng trong hai tỉnh Lưỡng Quảng đã tháo chạy trước cuộc tiến công cuối cùng của quân đội Nhật Bản đang trên bước đường bại trận; Trung Quốc không còn được xem là địa bàn thích hợp cho một kế hoạch phản công nhằm vào lãnh thổ chính quốc Nhật Bản. Chiến trường Trung Quốc một thời được xem là có ý nghĩa then chốt trong chiến lược quân sự của Mỹ đang mau chóng rút xuống loại ngoại vi [5, tr. 57]. Tầm quan trọng của Đông Dương trong con mắt của Chính phủ Mỹ cũng theo đó giảm dần. Sau khi kiểm soát Manila (2/1945), giới chỉ huy quân sự Mỹ quyết định chọn Okinawa là mục tiêu tiếp theo. Như vậy, Đông Dương đã bị gạt ra ngoài lộ trình phản công của Hoa Kỳ, bất chấp các nỗ lực cá nhân của Roosevelt nhằm thuyết phục giới quân sự Mỹ xem xét kế hoạch khai thác Đông Dương như một địa điểm thích hợp cho kế hoạch phản công.

Một khi Đông Dương đã bị loại ra khỏi phạm vi hoạt động của quân đội Mỹ, thì tiếng nói của Chính phủ Hoa Kỳ trong vấn đề Đông Dương không thể không giảm sút ở mức độ nhất định. Trong lúc đó, tiếng nói của nước Pháp trong sinh hoạt quốc tế tăng lên, nhất là từ cuối năm 1944, sau khi Chính phủ lâm thời nước này được các Đại cường Đồng minh công nhận

4.3. Thái độ lãnh đạm của các cộng sự gần gũi với Roosevelt

Đáng lưu ý không kém là những cộng sự gần gũi của Roosevelt trong lĩnh vực đối ngoại, như

các Bộ trưởng Ngoại giao Cordell Hull, Edward Stettinius Jr., cố vấn Harry Hopkins và cả những chỉ huy quân sự đều tỏ ra không mặn mà với ý tưởng của ông về số phận Đông Dương.

Đề xuất của Hoa Kỳ về thuộc địa được đưa ra ở Hội nghị Dumbarton Oaks với chương trình nghị sự liên quan đến kế hoạch tổ chức thế giới thời hậu chiến diễn ra trong các tháng 8 - 10/1944 không đề cập gì đến viễn cảnh độc lập các thuộc địa của các nước Tây Âu. Đã có lời giải thích rằng Bộ Ngoại giao lo lắng Liên Xô sẽ khai thác tình hình xáo trộn ở châu Á sau chiến tranh và Hội đồng các Tham mưu trưởng liên quân muốn thu tóm chuỗi căn cứ quân sự trên các lãnh thổ thuộc quyền ủy trị của Nhật ngoài khơi Thái Bình Dương. Các giới chức quân sự cao cấp đều mong muốn thiết lập các căn cứ quân sự trên các quần đảo Mariana, Caroline và Marshall vốn thuộc quyền cai quản của Nhật Bản trước chiến tranh. Họ cho rằng các căn cứ này giúp bảo vệ tốt hơn quyền lợi của Hoa Kỳ trong vùng Tây Nam Thái Bình Dương và góp phần ngăn ngừa một cuộc chiến xâm lược như đã từng xảy ra trong thập niên 1930 và đầu thập niên 1940. Phản ánh quan điểm của giới chức quân sự Mỹ, các Bộ trưởng Chiến tranh Henry L. Stimson và Bộ trưởng Hải quân Frank Knox đã mạnh mẽ chống lại ý tưởng về một chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương. Phản ứng bất lợi của các giới chức quân sự tăng dần theo các diễn biến thuận lợi trên chiến trường. Tháng 1/1945, Bộ trưởng Stimson đưa ra ý kiến rằng “Pháp đã trở thành căn cứ quân sự lớn” để bày tỏ sự ủng hộ cố vấn Harry Hopkins khi ông này cho rằng đã đến lúc “duyet xét lại toàn bộ không chỉ tình hình Đông Dương, mà cả cách tiếp cận nước Pháp của chúng ta, vì người Pháp cảm thấy chúng ta đang chống lại sự lớn mạnh của họ” [5, tr. 61].

5. Roosevelt xa rời dần ý tưởng

5.1. Roosevelt gác vấn đề Đông Dương sang thời bình

Như vậy, trong nửa sau năm 1944, ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương của Roosevelt đã vấp phải 4 trở ngại sau: (1) Sức ép của Anh; (2) Thái độ cự tuyệt của Pháp; (3) Phản ứng thờ ơ của các quan chức ngoại giao và quân sự hàng đầu của Hoa Kỳ; (4) Thực trạng yếu kém của Trung Hoa Dân Quốc. Đến cuối năm 1944, nước Pháp được giải phóng trở thành nhân tố mà Hoa Kỳ không thể bỏ

qua trong chiến lược toàn cầu thời hậu chiến, trong lúc những va chạm giữa Liên Xô và Hoa Kỳ quanh kế hoạch vẽ lại bản đồ châu Âu thời hậu chiến phát sinh ngày càng nhiều và càng khó dung hòa. Hẳn đây là nguyên nhân ngăn cản Roosevelt chuyển ý tưởng của ông về Đông Dương thành chính sách để rồi cuối cùng ông quyết định gác vấn đề Đông Dương sang thời bình. Quyết định này được ông diễn đạt như sau trong giác thư đề ngày 1/1/1945 gửi Bộ trưởng Ngoại giao Edward Stettinius, Jr.: “Tôi vẫn không muốn dính vào bất kì quyết định nào về Đông Dương. Đó là chuyện thời hậu chiến. Cũng như vậy, tôi không muốn dính vào bất kì nỗ lực quân sự nào nhằm giải phóng Đông Dương khỏi tay Nhật... Ngài có thể nói với Halifax⁽⁹⁾ rằng tôi đã nói rất rõ điều này với Churchill⁽¹⁰⁾. Xét cả hai mặt quân sự và dân sự, hành động vào lúc này là quá sớm” [15, tr. 293].

Thuật lại buổi gặp Roosevelt diễn ra ngày 4/1/1945, Halifax viết trong báo cáo đề ngày 9/1/1945 gửi Bộ Ngoại giao: “Ông ta [Roosevelt] hoàn toàn không muốn vạch sẵn một quyết định nào về Đông Dương vốn dĩ có lợi cho sự phục hồi nguyên trạng của Pháp mà ông ta không muốn thấy nó hồi sinh” [7, tr. 19].

Quyết định trên của Roosevelt được người cộng sự gần gũi là tướng William Donovan, người đứng đầu OSS, giải bày chi tiết hơn với Archimedes Patti, sĩ quan OSS được cử sang Trung Quốc với nhiệm vụ đảm trách công tác thu thập tin tình báo ở Đông Dương: “Tổng thống muốn OSS đứng ngoài nỗ lực của Pháp nhằm tái chiếm thuộc địa cũ của họ. Ông coi quy chế tương lai của Đông Dương là một vấn đề sẽ được quyết định trong thời hậu chiến và không thuộc sự quan tâm của giới chức quân sự Mỹ. Chúng ta không được cung cấp vũ khí hay đồ tiếp liệu cho người Pháp trong bất kì trường hợp nào, ngoại trừ phục vụ nỗ lực xúc tiến các mục tiêu chống Nhật đã được Đồng minh chuẩn thuận” [6, tr. 28]⁽¹¹⁾. Patti được phép hợp tác với các phái bộ quân sự Pháp ở Kandy, Trùng Khánh và Côn Minh (nơi đặt chỉ huy sở của Không đoàn số 14 Cọp bay mà phạm vi hoạt động là Đông Dương), “miễn là chúng tôi không được làm gì được hiểu là “trợ giúp” cho các mục tiêu quân sự hay chính trị của Pháp nhằm giành lại Đông Dương” [6, tr. 28]. Donovan đồng thời cho phép Patti hợp tác với bất kì người Đông Dương nào để cùng chống Nhật,

“nhưng đừng dính líu vào hoạt động chính trị ở Đông Dương thuộc Pháp” [6, tr. 30].

Không có một bộ đỡ vững chắc là hoạt động quân sự tại chỗ, không được một sự chuẩn bị nào về tiền đề vật chất, ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương ngày càng xa rời thực tế trong bối cảnh Cuộc chiến Thái Bình Dương diễn tiến ngày càng thuận lợi cho Đồng minh. Theo dõi rất sát mọi động tĩnh của Roosevelt quanh các diễn biến thời sự, đại sứ Anh ở Washington là Halifax nhận xét trong bức điện đề ngày 9/1/1945 gửi Bộ trưởng Ngoại giao Anh Anthony Eden rằng Roosevelt đã ngầm tán thành việc Anh đưa vào Đông Dương một số nhân viên quân sự Pháp chuyên các hoạt động phá hoại.

5.2. Công thức mang tính thỏa hiệp ở Hội nghị Yalta

Tại phiên họp toàn thể của Hội nghị Yalta diễn ra ngày 9/2/1945, thủ tướng Anh Churchill đã tỏ thái độ chống đối quyết liệt, khi Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ đề nghị các thành viên tương lai của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc sẽ trao đổi ý kiến quanh vấn đề ủy thác đối với các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Đứng trước diễn biến này, Roosevelt đã ngã theo ý kiến của cố vấn Harry Hopkins khi ông này cho rằng “cần có sự phân biệt rõ ràng giữa các đảo thuộc quyền ủy trị của Nhật, các lãnh thổ thuộc về Nhật đại loại như Triều Tiên với các lãnh thổ thuộc về các quốc gia rõ ràng là thân hữu, như Pháp chẳng hạn”. Cuối cùng, biên bản về công việc của Hội nghị Crum được thông qua vào lúc Hội nghị bế mạc đã ghi như sau: “Việc chấp thuận khuyến cáo này phụ thuộc vào việc làm rõ ràng chế độ ủy thác lãnh thổ chỉ được áp dụng cho:

(a) Các lãnh thổ đang được Hội Quốc Liên ủy trị;

(b) Các lãnh thổ được tách biệt (detached) khỏi kẻ thù như là kết quả của cuộc chiến hiện nay;

(c) Bất kì lãnh thổ nào tự nguyện đặt dưới chế độ ủy thác” [14, tr. 975].

Đông Dương tất không thuộc loại (a); còn Pháp chẳng đời nào tự nguyện trao bất kì thuộc địa nào cho Liên Hiệp quốc⁽¹²⁾. Vậy, chỉ còn lại loại (b): được thu lại từ tay các quốc gia thù địch. Ở Viễn Đông, quốc gia thù địch chính là Nhật Bản.

Như vậy, không chỉ Đông Dương thuộc Pháp, mà cả các thuộc địa của Anh (Miền Điện và các

lãnh thổ trên bán đảo Malaya), của Hà Lan (quần đảo Indonesia) và của Hoa Kỳ (Philippines) cũng đều sẽ được xếp vào loại (b). Tất nhiên là không chỉ Pháp và Hà Lan, mà cả Anh và Hoa Kỳ không đời nào thuận hiệp loại (b) theo nghĩa vừa nêu. Vậy là, các lãnh thổ *được tách biệt* từ tay Nhật được hiểu chệch đi như sau: đó là những lãnh thổ mà Nhật đã chiếm đóng **trước** chiến tranh, chứ không phải những lãnh thổ bị nước này xâm chiếm **trong** chiến tranh. Cách hiểu này đã mở đường cho Pháp tham gia vào tiến trình quyết định số phận của Đông Dương sau chiến tranh, theo như nội dung đoạn (d) của biên bản nêu trên của Hội nghị: “(d) Không một cuộc thảo luận nào về các lãnh thổ đó được dự kiến tại Hội nghị Liên Hiệp Quốc sắp tới hay tại các cuộc họp tư vấn trừ bị; những lãnh thổ nào trong số các loại đã nêu trên sẽ được đặt dưới chế độ ủy thác sẽ là chủ đề cho các thỏa thuận sau này” [14, tr. 976].

6. Roosevelt từ bỏ ý tưởng

Cần lưu ý ngay ở đây rằng Hội nghị Yalta chỉ đánh dấu bước đầu tiên xa rời dần, chứ không phải đặt dấu chấm hết cho ý tưởng về một chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương. Khi tiếp các nhà báo trên chiến hạm USS Quincy trên đường trở về Hoa Kỳ, Roosevelt đã chỉ trích các đế quốc Anh và Pháp và tiếp tục bày tỏ thái độ không hài lòng đối với ý tưởng liên quan đến hoạt động của binh lính Pháp ở Đông Dương; ông gạt bỏ các đề xuất cho phép Pháp tham dự sâu hơn vào Cuộc chiến Thái Bình Dương [5, tr. 62].

Trong ngày 8/3, vào đêm trước của biến cố 9/3/1945 ở Đông Dương, Roosevelt đã lần lượt tiếp ở Nhà Trắng đại sứ Hoa Kỳ ở Trung Quốc Patrick Hurley và tư lệnh Chiến trường Trung Hoa Albert C. Wedemeyer. Đang chăm chú nghe Hurley trình bày tình hình Trung Quốc, Roosevelt đột nhiên chuyển sang chủ đề Đông Dương. Còn Wedemeyer thì nhận thấy không thể thu hút sự chú tâm của Roosevelt cho chủ đề Trung Quốc. Roosevelt lưu ý rằng ông và Stalin đã tán thành rằng chính chế độ ủy thác quốc tế, chứ không phải chế độ thực dân, nên được áp dụng cho Đông Dương. Ông ra lệnh cho Wedemeyer không được cung cấp bất kì đồ tiếp liệu nào cho lực lượng Pháp đang hoạt động ở châu Á. Ông nhận xét rằng độc lập dân quốc sẽ là trào lưu trong tương lai, chứ không phải đế quốc

hay khu vực ảnh hưởng [5, tr. 62].

Sau khi Nhật đảo chính xóa bỏ toàn bộ quyền lực của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương (9/3/1945), Roosevelt đã phải đối mặt với áp lực ngày càng tăng không chỉ từ Hội đồng các Tham mưu trưởng liên quân do đô đốc William D. Leahy (một người tin cậy của Roosevelt) cầm đầu, mà từ cả tân Bộ trưởng Ngoại giao Edward Stettinius, Jr., một người ủng hộ quan điểm *thiên Âu* trong đường lối đối ngoại của Hoa Kỳ thời hậu chiến. Họ muốn cứu giúp các đơn vị quân sự Pháp đang vừa chiến đấu chống đỡ hoạt động truy kích của quân Nhật, vừa cố rút chạy sang lãnh thổ Trung Hoa. Do người Pháp ở Đông Dương không còn có thể bị xem là những kẻ cộng tác, Roosevelt thực khó tiếp tục lập trường lâu nay là cự tuyệt giúp đỡ họ. Hơn nữa, sự cứu giúp cho những toán tàn quân Pháp mang nặng ý nghĩa nhân đạo hơn là chính trị hay quân sự.

Sức ép có ý nghĩa như một tối hậu thư phát xuất từ chính De Gaulle: ngày 13/3, ông này cảnh báo với đại sứ Hoa Kỳ ở Paris là Caffery rằng nhân dân Pháp đang rất thất vọng trước chính sách của Hoa Kỳ đối với Đông Dương; hậu quả có thể là họ sẽ hướng về Liên Xô [15, tr. 300].

Hai ngày sau, Roosevelt đã bộc bạch với Charles Taussig⁽¹³⁾ rằng ông tán thành để cho Pháp đảm nhận những nghĩa vụ của một *nước nhận ủy thác* (a trustee), miễn là Pháp cam kết độc lập cho Đông Dương phải là mục tiêu chung cuộc [16, tr. 124].

Giới chức quân sự thực hiện bước thay đổi quan trọng đầu tiên: ngày 19/3, đô đốc Leahy cho phép tướng Wedemeyer có thể cung cấp cho lực lượng Pháp ở Đông Dương bất kì sự trợ giúp nào, miễn là nỗ lực quân sự của Hoa Kỳ ở Viễn Đông không bị ảnh hưởng.

Sự thay đổi từ phía Roosevelt đến chậm hơn nhiều: ngày 29/3, ba tuần sau cuộc đảo chính, ông mới thuận cho phép Không đoàn 14 *Cop bay* tổ chức chiến dịch ứng cứu các đơn vị Pháp đang rút chạy. Dù không còn ý nghĩa thực tế vì hoạt động kháng cự của Pháp đã gần như tắt lịm, quyết định vừa nêu mở đường cho những động tác tiếp theo.

Gần như ngay sau đó, chính xác là vào đầu tháng 4, Bộ Tham mưu liên quân Hoa Kỳ cuối cùng chấp thuận để cho một lực lượng quân sự không đồng của Pháp di chuyển từ Algeria đến Ceylon sau

khi đã kiên trì từ chối từ tháng 8/1944 [3, tr. 76], đồng thời tán thành đề xuất thành lập một phái bộ quân sự Pháp bên cạnh Sở chỉ huy Chiến trường Trung Hoa đặt ở Trùng Khánh [4, tr. 68].

Quyết định ứng cứu không còn tác dụng thực tế, nhưng tuyên bố mà Bộ trưởng Ngoại giao Stettinius đưa ra ngày 3/4/1945 với sự cho phép của Tổng thống Roosevelt có ý nghĩa như một bước ngoặt: phát xuất từ kết quả của các cuộc thảo luận quốc tế ở Yalta về khái niệm chế độ ủy thác, Hoa Kỳ cho rằng cấu trúc ủy thác thời hậu chiến “nên được thiết kế theo cách đặt dưới chế độ ủy thác những lãnh thổ được ủy trị sau cuộc chiến vừa qua [Chiến tranh thế giới thứ nhất] và những lãnh thổ nào được giành lại và được thỏa thuận sau này là đã đoạt từ tay kẻ thù trong cuộc chiến này, và cả những lãnh thổ nào tự nguyện đặt dưới chế độ ủy thác” [8, tr. 601].

Được đưa ra chỉ vắn vắn 9 ngày trước khi Roosevelt qua đời (12/4/1945), Tuyên bố trên đã phớt lờ tương lai của Đông Dương cho Pháp. Như vậy, nó đã thực sự kết liễu ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương. Nếu còn sót lại điều gì ở ý tưởng này mà Roosevelt để lại cho người kế nhiệm thì đó là Hoa Kỳ vẫn chưa đưa ra bất kì cam kết chính trị cụ thể nào với Pháp về Đông Dương. Đó sẽ là công việc mà tân Tổng thống Harry Truman sẽ làm trong tháng 5/1945.

Trong bức điện đề ngày 8/5/1945 được gửi đi từ Hội nghị thành lập Tổ chức Liên Hiệp Quốc diễn ra ở San Francisco, Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Edward R. Stettinius, Jr. viết: “Vấn đề Đông Dương được bàn đến trong buổi hội đàm mới đây giữa tôi với Bidault và Bonnet⁽¹⁴⁾. Bonnet lưu ý rằng mặc dù Chính phủ Pháp hiểu Tuyên bố năm 1942 của ông Welles⁽¹⁵⁾ liên quan đến việc tái lập chủ quyền của Pháp tại Đế quốc Pháp là bao gồm cả Đông Dương, nhưng báo chí cứ tiếp tục hàm ý rằng một quan hệ đặc biệt sẽ được dành cho thuộc địa này. Đã nói rõ với Bidault rằng hoàn toàn không có tuyên bố chính thức nào của chính phủ này đặt thành vấn đề - ngay cả bằng cách ngụ ý - chủ quyền của Pháp đối với Đông Dương. Bidault có vẻ an tâm và chắc chắn đã đánh điện cho Paris rằng ông ta đã nhận được lời đảm bảo mới về việc chúng ta công nhận chủ quyền của Pháp đối với khu vực đó” [17, tr. 307].

Để cho công bằng, cần nói ngay ở đây rằng sự

thay đổi có ý nghĩa đảo lộn trên trong lập trường của Chính phủ Hoa Kỳ về Đông Dương vẫn chưa có nghĩa là Nhà trắng đã mở toang cửa cho hoạt động quân sự của Pháp trên lãnh thổ Đông Dương. Trong buổi tiếp riêng diễn ra ngày 19/5 ở Nhà Trắng, Truman nhờ Bidault chuyển lời cảm ơn đến De Gaulle về việc ông này muốn tham gia hoạt động quân sự bên cạnh Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương. Truman tuyên bố rằng chính sách của ông là để cho các chỉ huy ngoài chiến trường tự giải quyết công việc chỉ đạo hoạt động quân sự [3, tr. 48]⁽¹⁶⁾. Và ông đã làm đúng như vậy.

Ở Hội nghị Potsdam, Truman chuẩn thuận theo yêu cầu của các chỉ huy quân sự Hoa Kỳ muốn tập trung lực lượng của Hoa Kỳ vào mục tiêu chính là Nhật Bản và do vậy cắt những vùng bị xem là ngoại vi ra khỏi phạm vi phụ trách của tướng Mac Arthur, gộp miền Nam Đông Dương, tính từ vĩ tuyến 16 vào phạm vi phụ trách của SEAC hay nói khác đi, vào phạm vi hoạt động của người Anh.

Phát xuất từ chính sách lâu nay của Anh là ủng hộ chủ quyền của Pháp ở Đông Dương, quyết định nói trên của Chính phủ Hoa Kỳ đã tháo dỡ trở ngại cuối cùng trên con đường quay lại Đông Dương của người Pháp.

7. Kết luận

Roosevelt tỏ ra rất kiên trì với ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương từ khi ông đề xuất ra nó (7/1943). Chỉ có điều là ông chưa bao giờ biến ý tưởng đó thành chính sách ngay trong thời chiến, và do vậy càng không thể vạch ra các biện pháp thực thi nó trong thực tế.

Mức độ triển khai cao nhất là ý tưởng được mang ra bàn thảo, nhưng không thực hiện đến nơi đến chốn ở các Hội nghị thượng đỉnh quốc tế. Nguyên nhân bắt nguồn từ rất nhiều trở ngại: sự phản đối mạnh mẽ của một trong các đồng minh then chốt là Thủ tướng Anh Winston Churchill và từ phản ứng dè dặt của chính các giới chức quân sự và ngoại giao cao cấp của Hoa Kỳ. Thậm chí đã hơn một lần ý tưởng của Roosevelt còn bị thách thức bởi quan điểm tôn trọng chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ của Đế quốc Pháp vốn được không ít quan chức ngoại giao và quân sự Hoa Kỳ ủng hộ. Thêm vào đó là sự phản đối không kém phần quyết liệt từ phía Pháp tự do. Cường độ phản đối tăng dần theo thời gian để rồi có ý nghĩa quyết định vào những

ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến ở châu Âu, khi Chính phủ lâm thời Pháp được Hoa Kỳ công nhận và Pháp trở thành thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Trong bối cảnh này, ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương tạo thành mối đe dọa đến quan hệ Hoa Kỳ - Pháp thời hậu chiến và không thể không tác động một cách tiêu cực lên mối quan hệ Hoa Kỳ - Anh, giữa lúc các vụ va chạm giữa Hoa Kỳ và Liên Xô liên quan đến diện mạo của thế giới thời hậu chiến phát sinh nhiều hơn và gay gắt hơn.

Một trở ngại tiềm tàng sẽ ngăn trở ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế trở thành hiện thực là Roosevelt chưa bao giờ mừng tượng ra khả năng một số dân quốc Đông Nam Á sẽ, dưới tác động mạnh đến mức thôi thúc của những tình cảm yêu nước được ngọn lửa chiến tranh và những năm dài đấu tranh chống chế độ thực dân thối bùng, chủ động vùng lên đòi độc lập ngay, mà không muốn trải qua một thời kì chuyển tiếp kéo dài có khi đến 20 - 30 năm. Hạn chế vừa nêu đã ngăn Roosevelt nghĩ đến phương án mở ra những cuộc tiếp xúc trực tiếp với các tổ chức dân quốc ở Đông Dương.

Vì lẽ trên, trong một thời gian dài, các tổ chức tình báo của Hoa Kỳ được giao nhiệm vụ thu thập thông tin trên lãnh thổ Đông Dương đã không thiết lập bất kì mối quan hệ có ý nghĩa chính trị nào với người bản xứ. Sau biến cố ngày 9/3/1945, khi toàn bộ mạng lưới tình báo bị phá vỡ, OSS, cơ quan tình báo đầu não của Hoa Kỳ trong thời chiến, dù buộc phải xây dựng quan hệ với các tổ chức dân quốc bản xứ, vẫn được lệnh tránh đưa ra bất kì cam kết chính trị nào với người bản xứ. Nhiệm vụ của các nhân viên OSS hoạt động ở Đông Dương được quy định rõ ràng và nghiêm ngặt là thu thập thông tin phục vụ cho lĩnh vực quân sự, cứu các phi công Đồng minh bị bắn rơi và huấn luyện người bản xứ phục vụ cho hai công tác vừa nêu.

Chiến thắng càng gần kề, những trở ngại thêm nhiều và gai góc hơn. Cuối cùng, Roosevelt đành từ bỏ ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế cho Đông Dương, trước khi người kế nhiệm ông đi tiếp bước logic tiếp theo: công nhận chủ quyền của Pháp ở Đông Dương.

Đông Dương không phải là nơi duy nhất trên thế giới mà Chính phủ Hoa Kỳ đành từ bỏ vào những thời khắc cuối cùng của cuộc chiến một số

ý tưởng về thời hậu chiến. Ý tưởng về một chính phủ liên hiệp đúng nghĩa cho Ba Lan, một xứ sở được nhiều người dân Mi biết đến hơn so với Đông Dương, không sống thọ hơn ý tưởng về chế độ ủy thác quốc tế cho vùng đất này./.

Chú thích:

(1) Ngày 24/3/1934, Quốc hội Hoa Kỳ đã theo đề nghị của tổng thống F. Roosevelt, thông qua Đạo luật Tydings-Mc Duffie: Philippines sẽ nhận lại nền độc lập sau một thời kì chuyển tiếp được gọi là Thịnh Vượng Chung (Commonwealth) kéo dài 10 năm. Trong quãng thời gian này, Hoa Kỳ sẽ chuyển giao dần cho chính phủ Philippines quyền quản trị các mặt sinh hoạt, trừ ngoại giao và quốc phòng.

(2) Sau khi bị Đức Quốc xã đánh bại và ký văn kiện đình chiến ngày 22/6/1940, nước Pháp bị Đức Quốc xã chiếm đóng hai phần ba lãnh thổ. Một phần ba còn lại thuộc quyền quản lý của một chính phủ do Thống chế Philippe Pétain cầm đầu và đặt thủ đô ở Vichy. Do vậy, Chính phủ Pétain còn được gọi là Chính phủ Vichy. Chính phủ này tồn tại đến tháng 8/1944, khi Paris được quân Đồng Minh Anh - Mỹ giải phóng.

(3) Chiến dịch Torch (Chiến dịch Bó Đuốc) do liên quân Anh - Mỹ tiến hành từ ngày 8 đến ngày 16/11/1942 nhằm giải phóng Bắc Phi khỏi ách chiếm đóng của Đức Quốc xã.

(4) Chiến dịch Overlord do liên quân Anh - Mỹ tiến hành trong tỉnh duyên hải Normandy của Pháp từ ngày 6/6/1944 đến tháng 7/1944. Chiến dịch đã mở ra mặt trận thứ hai của Đồng Minh ở châu Âu.

(5) Chính sách Lend-Lease được thực hiện theo đạo luật được ban hành ngày 11/3/1941, theo đó Hoa Kỳ cung cấp lương thực, nhiên liệu và khí tài quân sự cho các đồng minh của Mỹ trong Chiến tranh thế giới thứ hai (Anh, Trung Hoa Dân Quốc, Liên Xô...). Chính sách này kéo dài cho đến tháng 8/1945.

(6) Chỉ những người Pháp ủng hộ tướng Charles De Gaulle, người cầm đầu CFLN chống lại Chính phủ Vichy trong những năm Pháp bị Đức Quốc xã chiếm đóng (1940 - 1944).

(7) Ông này thay Thứ trưởng Sumner Welles trong năm 1943 và sẽ thay Bộ trưởng Cordell Hull trong tháng 11/1944.

(8) Chiến dịch Ichigo được quân đội Nhật Bản

tiến hành từ tháng 4 - 12/1944 trong các tỉnh Hà Nam, Hồ Nam và Quảng Tây trên lãnh thổ Trung Quốc. Chiến dịch này đã mở rộng vùng chiếm đóng của Nhật Bản và đã gây ra những tổn thất nặng nề cho quân đội Trung Hoa Dân Quốc. Tuy nhiên, Chiến dịch Ichigo không ảnh hưởng đáng kể đến cục diện chung của Mặt trận Thái Bình Dương và do vậy, không thể ngăn cản đà thắng lợi của quân Đồng Minh.

(9) Ngày 2/1/1945, Stettinius sẽ tiếp Halifax.

(10) Cuối tháng 12/1944, Roosevelt đã gặp Thủ tướng Anh Churchill ở Quebec (Canada).

(11) Tháng 10/1944, Roosevelt ra chỉ thị cho OSS không được liên hệ với các nhóm dân quốc bản xứ và nhóm người Pháp Gô-lít như một biện pháp đề phòng khả năng bị lôi vào bất kì cam kết chính trị nào vốn có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện ý tưởng về chế độ ủy thác [16, tr. 21,55,57,59,65].

(12) John Hickenson, Vụ phó Vụ châu Âu Bộ Ngoại giao Mi tiết lộ với phái đoàn Anh rằng loại (c) được đưa vào dự thảo “bởi Bộ Ngoại giao nhằm tạo lối thoát khỏi lập trường mà Tổng thống Roosevelt đã đưa ra trong lúc nói chuyện về Đông Dương [...]. Bộ Ngoại giao cảm thấy Tổng thống Roosevelt đã đi quá xa và loại (c) được xem như một cách giữ thể diện” [17, tr. 33].

(13) Quan chức Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, chủ tịch phân ban Hoa Kỳ trong Ủy ban hỗn hợp Anh - Mi vùng Caribbean. Được thành lập trong năm 1942, Ủy hội có nhiệm vụ duyệt xét các kế hoạch nhằm xúc tiến sự phát triển về chính trị, kinh tế và xã hội của các cộng đồng bản xứ. Việc thành lập Ủy hội chẳng qua là một động thái của Anh nhằm lấy lòng Hoa Kỳ vốn là chủ nhân của Chương trình Lend-Lease có ý nghĩa sống còn đối với nỗ lực chiến tranh của Anh.

(14) Georges Bidault: ngoại trưởng Pháp; Henri Bonnet: đại sứ Pháp ở Hoa Kỳ.

(15) Trong thư đề ngày 13/4/1942 gửi đại sứ Pháp Gaston Henry-Haye, Quyền Ngoại trưởng Hoa Kỳ Sumner Welles viết: “Chính phủ Hoa Kỳ công nhận chủ quyền pháp lí của nhân dân Pháp đối với lãnh thổ Pháp và các thuộc địa Pháp ở hải ngoại”.

(16) Trước đó ba ngày, Quyền Bộ trưởng Ngoại giao Joseph Grew đã gửi giác thư cho Tổng thống Truman rằng “xét từ góc độ quân sự, việc sử dụng lực lượng Pháp ở chiến trường đó [Thái Bình Dương] có giá trị không nhiều” [10, tr. 307-308].

Tài liệu tham khảo

- [1]. Mark Philip Bradley (2000), *Imagining Vietnam and America: the Making of Postcolonial Vietnam.*, Chapel Hill: The University of North Carolina Press.
- [2]. Gary R. Hess (1972), “Franklin Roosevelt and Indochina”, *The Journal of American History*, Vol. 59, No.2 September, 1972), 353-368.
- [3]. Sanford B. Hunt (2004), *Dropping the Baton: Decisions in the United States Policy on Indochina, 1943-1945*, M.A.Thesis in History, Texas Tech University.
- [4]. Mark Atwood Lawrence (2005), *Assuming the Burden: Europe and the American Commitment to War in Vietnam*, Berkeley: University of California Press.
- [5]. Fredrik Logevall (2012), *Embers of War: the fall of an Empire and the Making of America's Vietnam*, New York: Random House.
- [6]. Archimedes L.A. Patti (1980), *Why Vietnam? Prelude to America's Albatros*. Berkeley: University of California Press.
- [7]. T. O. Smith (2007), *Britain and the Origins of the Vietnam War: U.K Policy in Indo-China, 1943-50*, Hampshire: Palgrave Macmillan.
- [8]. US Department of State (1945), *Bulletin*, April. 8. 1945, Washington D.C: GPO
- [9]. US Department of State (1956), *Foreign Relations of the United States, Diplomatic Papers*, 1941, Vol.2, Washington D.C: GPO
- [10]. US Department of State (1961), *Foreign Relations of the United States, Diplomatic Papers*, 1942 Vol.2, Washington D.C: GPO.
- [11]. US Department of State (1961), *Foreign Relations of the United States, Diplomatic Papers*, 1943, Vol.2, Washington D.C: GPO.
- [12]. US Department of State (1965), *Foreign Relations of the United States, Diplomatic Papers*, 1944, The Near East, South Asia, Africa, the Far East, Washington D.C: GPO.
- [13]. US Department of State (1965), *Foreign Relations of the United States, Diplomatic Papers*, 1944, The British Commonwealth and Europe, Washington D.C: GPO.
- [14]. US Department of State (1955), *Foreign Relations of the United States, Diplomatic Papers*, 1945, The Conferences at Malta and Yalta, Washington D.C: GPO.
- [15]. US Department of State (1964), *Foreign Relations of the United States, Diplomatic Papers*, 1945, The Commonwealth and the Far East, Washington D.C: GPO.
- [16]. US Department of State (1967), *Foreign Relations of the United States, Diplomatic Papers*, 1945, General: the United Nations, Washington D.C: GPO.
- [17]. US Department of State (1964), *Foreign Relations of the United States, Diplomatic Papers*, 1945, The Far East, Washington D.C: GPO.
- [18]. Marilyn B. Young and Robert Buzzanco (ed., 2002), *A Companion to the Vietnam War*, Cornwall: Blackwell Publishing.

**FRANKLIN D. ROOSEVELT'S IDEA OF AN INTERNATIONAL
TRUSTEESHIP FOR INDOCHINA**

Summary

Advanced by the US President Franklin Roosevelt in July 1943, the idea of an international Indochina trusteeship had planned for Indochinese peoples a political fate very different from the French colonialism having lasted 80 years. However, due to many obstacles, the idea failed to bring into a policy, and finally was cancelled in April 1945.

Keywords: Franklin D. Roosevelt, an international trusteeship, Indochina.

Ngày nhận bài: 7/10/2016; Ngày nhận lại: 16/11/2016; Ngày duyệt đăng: 9/12/2016.